TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1171**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/10/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Dựa**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**
2. Bà **Nguyễn Thị Vạn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh *tham gia phiên tòa:* Ông **Đồng Văn Nam** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 607/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 300/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 257/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/10/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Lệ H**, sinh năm 1984;
Địa chỉ: G3/28A ấp 7, xã L, huyện B, Thành phố H.
2. Bị đơn: Ông **Tăng Hải T**, sinh năm 1986;
Địa chỉ: G3/28A ấp 7, xã L, huyện B, Thành phố H.
(Bà H, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 05/6/2019, bản tự khai ngày 10/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày:

Bà H và ông Tăng Hải T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2006.

Ông bà có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T , huyện C, tỉnh L.A vào năm 2007. Thời gian đầu bà H và ông T chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình của ông bà không hợp nhau, thường xuyên bất hòa. Bà H đã ly thân với ông T từ tháng 3/2018 cho đến nay. Bà không còn tình cảm gì với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Bà H trình bày giữa bà và ông T có 01 con chung tên Tăng Tiến L, sinh ngày 22/02/2007 (giới tính: Nam). Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà H yêu cầu giao con chung cho ông T nuôi dưỡng, bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng); thực hiện cấp dưỡng vào ngày 15 (mười lăm) dương lịch hàng tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác nhận giữa bà và ông T không có tài sản chung hay bất kỳ khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà H không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bà H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ông Tăng Hải T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Lệ H đối với ông Tăng Hải T.

+ Về con chung: Giao trẻ Tăng Tiến L, sinh ngày 22/02/2007 (giới tính: Nam) cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Bà H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lệ H phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Lệ H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Tăng Hải T. Đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Căn cứ kết quả xác minh ngày 26/7/2019 của Công an xã L, huyện B, Thành phố H thì bị đơn ông Tăng Hải T cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 40 Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh L.A cấp ngày 16/5/2007 thì bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Tăng Hải T là vợ chồng hợp pháp được pháp luật công nhận quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt tại Tòa không có lý do, cũng không có văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu của ông. Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Ông T đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật. Do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[3.3] Căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã Lê Minh Xuân và lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy đời sống chung vợ chồng của bà H và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2017 vì bất đồng nhiều vấn đề trong cuộc sống, giữa vợ chồng không còn sự quan tâm, yêu thương và chăm sóc nhau. Từ tháng 3/2018 bà H và ông T đã sống ly thân.

[3.4] Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà H và ông T đến Tòa án để hòa giải, động viên ông bà hàn gắn quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên ông T không có mặt theo lịch triệu tập của Tòa án mà không có lý do, cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí hòa giải và không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng.

[3.5] Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*". Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, giữa vợ chồng không có sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; đời sống chung giữa bà H và ông T không thể kéo dài thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Lệ H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.6] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Lệ H xác nhận giữa bà và ông Tăng Hải T có 01 (một) con chung tên Tăng Tiến Lợi, sinh ngày 22/02/2007. Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của* con". Tại biên bản ghi nhận ý kiến trẻ L ngày 10/7/2019 thể hiện trẻ L đang thực tế chung sống với ông T và bà nội của trẻ; trẻ có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng cha và bà nội. Bà Nguyễn Thị Lệ H có nguyện vọng giao trẻ L cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi trẻ L mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

[3.7] Xét thấy ý kiến của bà H là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của trẻ L nên Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Tăng Tiến L cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng.

[3.8] Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên…".* Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ L là trách nhiệm của cả bà H và ông T. Để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của

trẻ L, bà H không trực tiếp nuôi dưỡng trẻ L nhưng phải cấp dưỡng nuôi trẻ. Ông T vắng mặt không thể hiện ý kiến về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi trẻ L mỗi tháng 1.000.000 đồng Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi trẻ L mỗi tháng 1.000.000 đồng vào ngày 15 (mười lăm) dương lịch hàng tháng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Các bên giao nhận tiền cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp bà H chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015. Bà Nguyễn Thị Lệ H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3.9] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Lệ H xác nhận giữa bà và ông T không có tài sản chung; ông bà cũng không có bất kỳ khoản nợ chung nào nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung và vấn đề nợ chung. Ông T vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung. Do đó Tòa án không xem xét, giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung trong vụ án này. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì sẽ được xem xét bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Lệ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1và điểm b khoản 2 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lệ H được ly hôn với ông Tăng Hải T.

Giấy chứng nhận kết hôn số số 40 Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh L.A cấp ngày 16/5/2007 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Tăng Tiến L, sinh ngày 22/02/2007 (giới tính: Nam) cho ông Tăng Hải T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ L mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) vào ngày 15 (mười lăm) dương lịch hàng tháng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Bắt đầu thực hiện cấp dưỡng từ ngày 15/11/2019.

Các bên giao nhận tiền cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bà H chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Bà Nguyễn Thị Lệ H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không đặt ra để giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lệ H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0002288 ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- UBND xã T, H.C, T.LA;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

Trương Văn Dựa